TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 22 /2019/DS-ST
Ngày: 30 - 10 - 2019
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Đại Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Bá Long và Bà: Nguyễn Thị Kim Dung

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn:

Bà Nguyễn Thị Tình Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 45/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 18 ngày 10 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng S (có mặt)

Địa chỉ: Số 174 phố G, thị trấn S, huyện S1, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà V - Chủ tịch hội đồng quản trị.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Đ (vắng mặt)
Ông Trịnh Văn H (vắng mặt)

Cùng địa chỉ hiện nay: Thôn 6, xã S, huyện S – tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2019 và đơn đề nghị bổ sung ngày 28 tháng 8 năm 2019 và các bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Hà V trình bày: Ngày 26 tháng 12 năm 2016, quỹ tín

dụng nhân dân thị trấn S, huyện S1, tỉnh H ký hợp đồng tín dụng số 8512 với bà Lê Thị Đ và chồng là ông Trịnh Văn H với số tiền cho vay là 30.000.000đ; Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/12/2016 đến ngày 26/12/2017; Hình thức trả lãi tiền vay: Trả lãi từ ngày 22 đến hết ngày 28 hàng tháng; Lãi suất cho vay 1,40% /tháng. Thả nổi theo từng thời điểm, điều chỉnh theo quyết định của QTD. Lãi phạt gốc quá hạn là 150%/lãi suất cho vay; Hình thức trả nợ gốc: Trả góp hàng tháng. Tài sản bảo đảm: Tín chấp. Mục đích vay vốn là nâng cấp nhà ở.

Quá trình vay đến thời điểm hiện tại, ngày 21 tháng 6 năm 2019 ông H và bà Đ đã trả được 16.500.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại tại quỹ tín dụng là 13.500.000đ.

Quá trình trả nợ ông H và bà Đ đã vi phạm hợp đồng, đã quá hạn thanh toán nợ gốc từ ngày 26/12/2017 với Quỹ tín dụng.

Vì vậy Quỹ tín dụng thị trấn S đề nghị Tòa án buộc ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ phải trả số tiền gốc là 13.500.000 đ; số tiền lãi tính đến ngày 21/06/2019 là 3.188.000 đ; tổng cộng là 16.688.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Hà V xác nhận số tiền tạm tính đến ngày 30/10/2019 trong đó số tiền gốc là 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn); số tiền lãi là: 4.013.000 đ (bốn triệu không trăm mười ba nghìn đồng); số tiền phạt gốc quá hạn là 4.215.000đ (bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng); tổng số tiền là 21.728.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Bị đơn ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ đã được Tòa án tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; hoãn phiên họp; Biên bản về việc không tiến hành kiểm tra giao nộp chứng cứ và hòa giải được; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để ông Trịnh Văn H và bà Đ trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S1 tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã

thực hiện đúng, đầy đủ đảm bảo theo quy định các Điều 28, Điều 29, Điều 68, Điều 91, Điều 93, Điều 195, Điều 196 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015.

Đối với hợp đồng tín dụng số 8512/HĐTD ngày 26/12/2016 giữa Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn S với bà Lê Thị Đ và ông Trịnh Văn H được các lập theo quy định tại Điều 463 BLDS năm 2015, trên cơ sở tự nguyện có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội, nên xác định đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối với yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn S yêu cầu bà Lê Thị Đ và ông Trịnh Văn H phải trả số tiền gốc 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn); số tiền lãi là: 4.013.000 đ (bốn triệu không trăm mười ba nghìn đồng); số tiền phạt gốc quá hạn là 4.215.000đ (bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng); tổng số tiền là 21.728.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng) thấy rằng: Việc bà Đ và ông H đến hạn không trả nợ theo hợp đồng và đến ngày 30/10/2019 mới trả được 16.500.000đ tiền gốc đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm cho quyền lợi của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn S bị xâm phạm. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ và ông H không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án. Căn cứ các Điều 463; 466 BLDS năm 2015, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí, tạm ứng án phí. Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn S được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Quỹ tín dụng thị trấn S, huyện S1, tỉnh H khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ; cùng trú tại: Thôn 6, xã S, huyện S1, tỉnh H. Vì vậy căn cứ vào quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh H.

Bị đơn ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng

mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về nội dung*:

Xét yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng thị trấn S, huyện S, tỉnh H thì thấy: Hợp đồng tín dụng số 8512 với bà Lê Thị Đ và chồng là ông Trịnh Văn H với số tiền cho vay là 30.000.000đ; Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 26/12/2016 đến ngày 26/12/2017; Hình thức trả lãi tiền vay: trả lãi từ ngày 22 đến hết ngày 28 hàng tháng; Lãi suất cho vay 1,40% /tháng. Thả nổi theo từng thời điểm, điều chỉnh theo quyết định của QTD. Lãi phạt gốc quá hạn là 150%/lãi suất cho vay; Hình thức trả nợ gốc: Trả góp hàng tháng. Tài sản bảo đảm: Tín chấp. Mục đích vay vốn là nâng cấp nhà ở việc ký kết hợp đồng là do các bên tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên có giái trị pháp lý và hiệu lực thi hành.

Quá trình vay đến thời điểm hiện tại, ngày 21 tháng 6 năm 2019 ông H và bà Đ đã trả được 16.500.000 đồng tiền nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại tại quỹ tín dụng là 13.500.000đ. Quá trình trả nợ ông H và bà Đ đã vi phạm hợp đồng, đã quá hạn thanh toán nợ gốc từ ngày 26/12/2017 với Quỹ tín dụng. Vậy ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ phải trả số tiền gốc là 13.500.000 đ; số tiền lãi tính đến ngày 21/06/2019 là 3.188.000 đ; tổng cộng là 16.688.000đ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là ông Hà V xác nhận lại số tiền gốc, số tiền lãi tạm tính đến ngày 30/10/2019 là: 13.500.000 đ (mười ba triệu năm trăm nghìn); số tiền lãi là: 4.013.000 đ (bốn triệu không trăm mười ba nghìn đồng); số tiền phạt gốc quá hạn là 4.215.000đ (bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng); tổng số tiền là 21.728.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Đến nay đã quá hạn thời hạn trả nợ gốc nhưng bên vay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Vì vậy có căn cứ để Hội đồng xử chấp nhận buộc ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ phải trả tiền gốc và lãi, lãi quá hạn theo hợp đồng là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015. Khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo quy định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 và Điều 1 thông tư số 12/2010 ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ

chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 147; Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 11 quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo quy định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi bổ sung bằng quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005; Điều 1 thông tư số 12/2010 ngày 14/04/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; khoản 2 Điều 26 NQ 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí, tạm ứng án phí. Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn Triệu Sơnb được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn S, huyện S, tỉnh H đối với vợ chồng ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc vợ chồng ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Quỹ tín dụng số tiền cụ thể tính đến ngày 30/10/2019 tổng số tiền là: 21.728.000đ (hai mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng); trong đó gốc là: 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn) và tiền lãi là: 4.013.000 đ (bốn triệu không trăm mười ba nghìn đồng); số tiền phạt gốc quá hạn là 4.215.000đ (bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 31/10/2019, vợ chồng Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ còn phải chịu theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

4. Về án phí: Vợ chồng ông Trịnh Văn H và bà Lê Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.086.400đ (một triệu không trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân thị trấn S, huyện S1 số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003597 ngày 28/6/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện S1, tỉnh H là 417.000 (bốn trăm mười bảy nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2019. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án công khai tại Ủy ban nhân dân xã S huyện S1 tỉnh H.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương Sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện S1;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện S1;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đại Long